

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 25 - 01 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Quý Đôn

2/ Ông Nguyễn Thanh Long

3/ Ông Trần Vinh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Cần - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022 /QĐXXST - HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 , đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thành T; Sinh ngày 21-7-1985.

Nơi cư trú: Ấp V, thị trấn V1, huyện V1, thành phố Cần Thơ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công an; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 (Sống) và bà Phạm Thị C, sinh năm 1968 (Sống); Em ruột: có 03 người (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990); Vợ là Trần Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 26/3/2021. Có mặt.

2/ Võ Việt H; Sinh ngày 24-8-1994.

Nơi cư trú: Khu vực L, phường TL, quận TN, thành phố Cần Thơ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công an; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Văn L1, sinh năm 1967 (chết) và bà Phan

Thị Tuyết H1, sinh năm 1970 (Sống); Chị ruột: có 01 người sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 26/3/2021. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Luật sư Vũ TQ– Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người bị hại:* Công an quận TN, thành phố Cần Thơ.

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng N - Phó trưởng công an quận TN, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1- Ông Tô Thiện H2; sinh năm 1999. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu vực 1, phường TT, quận TN, thành phố Cần Thơ.

2- Ông Trần Long H3; sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Đường CT, khu vực LTA, phường TN, quận TN, thành phố Cần Thơ.

3- Ông Phạm Quốc T4; sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu tập thể Công an quận TN, thành phố Cần Thơ.

4- Bà Lê Bùi Thị Thu A; sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu vực LT, phường TK, quận TN, thành phố Cần Thơ.

5- Ông Phạm Bình P; sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu vực QT1, phường TK, quận TN, thành phố Cần Thơ.

6- Ông Huỳnh Trọng N1; sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp TL2, xã TT1, huyện MN, tỉnh B.

7- Ông Lê Nhất Thanh; sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu vực TM2, phường TL, quận TN, thành phố Cần Thơ.

8- Ông Võ Quốc Bình; sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu vực TT1, phường TL, quận TN, thành phố Cần Thơ.

9- Ông Lê Việt T2; sinh năm 1982. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Đường NVC, phường AH, quận NK, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T là cán bộ Cảnh sát giao thông Công an quận TN cấp bậc Đại úy, được phân công công tác tại Tổ đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an quận TN, thành phố Cần Thơ, nhiệm vụ được giao là trực tiếp nhận lai, ra lai, thu tiền lệ phí đăng ký xe mô tô, xe máy và quyết toán. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/4/2015 đến 17/6/2019, Nguyễn Thành T lợi dụng công việc được giao đã không ra lai thu phí và ra lai thu phí thấp hơn quy

định, với 4.246 hồ sơ để chiếm đoạt tổng số tiền là 2.353.450.000 đồng, cụ thể: T đã không ra lai thu lệ phí 4.215 hồ sơ, chiếm đoạt tổng số tiền là 2.342.480.000 đồng và ra lai thu lệ phí thấp hơn quy định, với 31 hồ sơ, chiếm đoạt tổng số tiền 10.970.000 đồng. Để tránh bị phát hiện, T mang toàn bộ hồ sơ sai phạm cất giấu riêng, không lưu trữ theo quy định cũng như đã chủ động theo dõi, ra lai thu lệ phí bổ sung khi có chủ phương tiện đến làm thủ tục mua, bán, đổi biển số, sang tên, chuyển vùng đi nơi khác. Ngoài ra, T còn ra lai thu lệ phí cao hơn quy định, với 434 hồ sơ bằng 88.550.000 đồng và đã quyết toán nộp hết vào ngân sách nhà nước, số tiền này T không chiếm đoạt được.

Đối với số tiền chiếm đoạt 2.353.450.000 đồng, T dùng hùn vốn kinh doanh và tiêu xài, sau khi sự việc bị phát hiện, T đã tự nguyện giao nộp 2.354.250.000 đồng (nộp thừa 800.000 đồng do chưa xác định chính xác trước khi khởi tố). Hiện số tiền này được nhận vào tài khoản tạm giữ, tạm giữ của Công an thành phố Cần Thơ.

Đối với Võ Việt H với cấp bậc T úy và được phân công công tác tại Tổ đăng ký quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an quận TN, thành phố Cần Thơ từ tháng 10/2018 - 01/6/2020. Nhiệm vụ được giao là trực tiếp nhận lai, ra lai, thu tiền lệ phí đăng ký xe mô tô, xe máy và quyết toán. Trong khi thực hiện nhiệm vụ, H đã không ra lai thu lệ phí, với 176 hồ sơ, chiếm đoạt tổng số tiền 118.850.000 đồng, H cất giấu riêng đối với các hồ sơ này để tránh đi sự phát hiện. Ngoài ra, H còn có hành vi ra lai thấp, ra lai cao hơn và không ra lai do sai sót đối với trường hợp cụ thể như sau:

- *H ra lai thu lệ phí thấp hơn quy định*, với 09 hồ sơ, với tổng số tiền 3.100.000 đồng. H không chiếm đoạt số tiền này mà do Tô Thiện H2 là chiến sỹ nghĩa vụ Công an được trưng dụng giúp việc cho Tổ đăng ký, H2 đã lén lút chỉnh sửa lại số tiền phải thu thấp hơn số tiền đã được ghi trên tờ giấy ghi chú đối với 09 hồ sơ và H2 đã chiếm đoạt 3.100.000 đồng. Qua sự việc trên, Trần Long H3 là Đội trưởng đã cho kiểm tra lại tất cả hồ sơ từ khi H2 được trưng dụng đến khi phát hiện thì phát hiện thêm 88 hồ sơ ra lai thấp, gây thất thoát số tiền khoảng 40.000.000 đồng thuộc trách nhiệm của H2, do không nhớ đã chỉnh sửa và chiếm đoạt tiền cụ thể bao nhiêu hồ sơ nên Hoà tự nguyện nộp 78.800.000 đồng để ra lai thu phí lại cho đúng quy định đối với tổng số 97 hồ sơ đã ra lai thấp.

- *H ra lai thu lệ phí cao hơn quy định*, đối với 07 hồ sơ, với tổng số tiền chênh lệch là 1.120.000 đồng và đã quyết toán nộp hết vào ngân sách nhà nước. H không chiếm đoạt số tiền này.

- *H không ra lai thu lệ phí theo quy định*, đối với 03 hồ sơ do chủ phương tiện yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, gây thất thoát số tiền 90.000 đồng, H đã bồi thường do sai sót.

Đối với số tiền chiếm đoạt được 118.850.000 đồng, H đã tiêu xài cá nhân hết, khi bị phát hiện H tự nguyện giao nộp 131.960.000 đồng (thừa 13.110.000 đồng do chưa xác định chính xác trước khi khởi tố). Hiện số tiền này được nhận vào tài khoản tạm giữ, tạm giữ của Công an thành phố Cần Thơ.

Đối với Tô Thiện H2 có hành vi chỉnh sửa lại số tiền phải thu thấp hơn số tiền đã thu, đối với 97 hồ sơ, chiếm đoạt 78.800.000 đồng. Hoà tự nguyện nộp 78.800.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tách ra chuyển đến Cơ quan điều tra, Công an quận TN điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với ông Trần Long H3 là Đội trưởng trực tiếp của T và H, Hải chỉ đạo cán bộ thực hiện tổng hợp ra lai thu lệ phí vào cuối buổi làm việc. Sau đó, T, H không ra lai thu phí, chiếm đoạt tiền và mang tất cả những hồ sơ này đi cất giấu, khi có chủ phương tiện đến liên hệ rút hồ sơ chuyển vùng thì T và H tự bỏ tiền cá nhân ra để ra lai thu lệ phí bổ sung H3 hoàn toàn không biết. Khi phát hiện sai phạm của T và H thì Hải kịp thời tham mưu lãnh đạo đơn vị có biện pháp xử lý buộc T, H khắc phục lại toàn bộ số tiền đã tham ô nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H3 nhưng sẽ kiến nghị Giám đốc Công an thành phố Cần Thơ có hình thức kỷ luật đối với H3 theo quy định của ngành Công an.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSCT-P1 ngày 15-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố Nguyễn Thành T về tội Tham ô tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Võ Việt H về tội Tham ô tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T và Võ Việt H theo tội danh và điều luật như quyết định cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T với mức án từ 15 năm đến 16 năm tù. Và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Việt H với mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả lại số tiền dư ra cho các bị cáo sau khi khấu trừ giữa số tiền chiếm đoạt và số tiền khắc phục hậu quả.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T thống nhất với Quyết định cáo trạng truy tố về tội danh và điều luật, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; đã tự nhận trách nhiệm và tự nguyện bồi thường thiệt hại. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vấn đề có liên quan đến vụ án nên căn cứ vào các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[1] Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên Tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo T và bị cáo H là cán bộ thuộc Đội Cảnh sát giao thông, trật tự công an quận TN, thành phố Cần Thơ, được giao nhiệm vụ trực tiếp nhận lai, ra lai, thu tiền lệ phí đăng ký xe mô tô, xe máy và quyết toán. Lợi dụng sự tin tưởng, thiếu sự kiểm tra của Lãnh đạo, thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ, các bị cáo không đăng nộp đúng đầy đủ, đúng quy định cho Đội hậu cần công an quận TN, thành phố Cần Thơ để chiếm đoạt số tiền sử dụng vào mục đích cá nhân gây thất thu cho ngân sách của Nhà nước. Cụ thể bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 2.353.450.000 đồng và bị cáo H đã chiếm đoạt số tiền 118.850.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” đối với bị cáo T được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự và đối với bị cáo Võ Việt H với tình tiết định khung ở điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi, sai phạm của Tô Thiện H2 là có dấu hiệu tội phạm. Tuy nhiên, cơ quan điều tra thành phố đã tách ra chuyển đến cho Cơ quan điều tra công an quận TN điều tra xử lý theo thẩm quyền nên tại phiên tòa không đề cập đến. Riêng đối với hành vi của Trần Long H3 qua thể hiện trong hồ sơ đã cho thấy cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xem xét không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức Nhà nước nói chung và đặc biệt là uy tín của lực lượng cảnh sát giao thông. Việc làm của các bị cáo đã làm mất lòng tin

của nhân dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội về tình hình tội phạm liên quan đến chức vụ trong thời gian gần đây mà nổi cộm là tội phạm về tham nhũng của những người có chức vụ, quyền hạn được Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao phó. Các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì thỏa mãn lợi ích vật chất cá nhân mà vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thậm chí các bị cáo còn thực hiện trong thời gian dài, có sự chuẩn bị chặt chẽ nhằm che đậy hành vi vi phạm của mình, thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo một thời gian nhằm đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội trong giai đoạn hiện nay.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện phạm tội trong khoảng thời gian dài trong đó có nhiều lần hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm cho nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện, các bị cáo đã nhận thấy được sai phạm của bản thân, đã tự nguyện khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo T trong quá trình công tác có thành tích như được Nhà nước phong tặng danh hiệu “ Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba” và nhiều thành tích khen thưởng khác, còn bị cáo H thì gia đình thuộc diện có công cách mạng (ông nội có bằng Tổ quốc ghi công, Huân chương quyết thắng và Huân chương độc lập) cho nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa phía người bị hại vắng mặt, tuy nhiên qua thể hiện trong hồ sơ điều thống nhất nhau số tiền chiếm đoạt và số tiền các bị cáo đã khắc phục hoàn lại, cho nên hội đồng xét xử vẫn xem xét toàn diện về phần dân sự: Theo đó, bị cáo T phải nộp lại số tiền chiếm đoạt 2.353.450.000 đồng, tuy nhiên bị cáo đã đăng nộp trước số tiền khắc phục là 2.354.250.000 đồng tức nộp dư 800.000 đồng; còn bị cáo H phải nộp lại số tiền chiếm đoạt 118.850.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước, bị cáo đã đăng nộp trước số tiền khắc phục là 131.960.000đ tức nộp dư 13.110.000đ.

Như vậy các khoản tiền chiếm đoạt, các bị cáo đã khắc phục hoàn lại xong (thể hiện tại ủy nhiệm chỉ số 119 ngày 19/11/ 2021 do Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nhận) phần tiền bị cáo T và bị cáo H nộp thừa được nhận lại.

[6] Về xử lý vật chứng: Giải tỏa số tài khoản 39490105443700000 với số tiền 2.486.210.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Võ Việt H phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Áp dụng:

- Điểm a khoản 4 Điều 353, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

- Điểm d khoản 2 Điều 353, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Việt H.

3. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thành T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2021.

- Bị cáo Võ Việt H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thành T có trách nhiệm bồi hoàn tổng số tiền chiếm đoạt là 2.353.450.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước được khấu trừ lại số tiền đã khắc phục 2.354.250.000 đồng. Số tiền phía bị cáo nộp khắc phục dư là 800.000 đồng bị cáo T được nhận lại tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo Võ Việt H có trách nhiệm bồi hoàn tổng số tiền chiếm đoạt là 118.850.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước được khấu trừ lại số tiền đã khắc phục 131.960.000đ. Số tiền phía bị cáo nộp khắc phục dư là 13.110.000đ bị cáo H được nhận lại tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

(khoản tiền nộp khắc phục thể hiện tại ủy nhiệm chi số 119 ngày 19/11/ 2021 do Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nhận)

5. Về xử lý vật chứng: Giải tỏa số tài khoản 39490105443700000 với số tiền 2.486.210.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Võ Việt H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Tp.Cần Thơ;
- CQCSĐT Tp.Cần Thơ;
- Trại tạm giam Tp.Cần Thơ;
- Cục THADS Tp.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Tp.Cần Thơ;

- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

